

CỘNG ĐỒNG NGƯỜI VIỆT Ở CAMPUCHIA

NGUYỄN SỸ TUẤN*

Việt Nam và Campuchia là hai quốc gia láng giềng, có chung 1137km đường biên giới trên bộ. Do điều kiện địa lý hết sức thuận lợi cho việc qua lại cả về đường bộ, đường sông và đường biển và do hoàn cảnh lịch sử, từ rất sớm đã có một bộ phận người Việt lên buôn bán, làm ăn và sinh sống ở Campuchia. Hiện nay, người Việt đã trở thành một cộng đồng đông đảo và có những tác động không nhỏ tới đời sống kinh tế, xã hội của đất nước Campuchia. Do vậy, việc nghiên cứu một cách toàn diện, nhiều mặt về cộng đồng người Việt Nam ở Campuchia không chỉ có ý nghĩa về mặt khoa học mà còn có giá trị thực tiễn đối với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan. Trong bài viết này, chúng tôi chỉ giới thiệu một số nét về Cộng đồng người Việt ở Campuchia và một số khó khăn mà họ đang gặp phải.

Người Việt đến Campuchia từ rất sớm nhưng chia thành nhiều đợt, gắn với từng thời kỳ lịch sử khác nhau. Những người đến đầu tiên được ghi nhận trong các thư tịch cổ Việt Nam từ đầu thế kỷ XVII gắn với mối quan hệ giao hảo giữa hai nước, đặc biệt là sau các sự kiện Chey Chettha II, vua của Chân Lạp, cưới Ngọc Vạn, công chúa của chúa Nguyễn (1620) và chúa

Nguyễn lập các thương điểm, trạm thu thuế ở khu vực Sài Gòn, Bến Nghé (1623). Từ đây, rất nhiều người Việt lên làm ăn buôn bán ở Chân Lạp. Người Việt thường mang gạo muối và nhiều đồ gia dụng khác lên bán ở Chân Lạp. Sử sách hai nước không ghi lại con số thống kê cụ thể nhưng theo Đại Nam thực lục chính biên (Quốc sử quán triều Nguyễn) thì đến cuối thế kỷ XVIII, tình hình buôn bán giữa hai nước đã phát triển đến mức khó có thể kiểm soát⁽¹⁾. Đến đầu thế kỷ XIX, người Việt lên buôn bán ở Chân Lạp ngày một đông, có tháng đến hơn 500 người⁽²⁾. Khin Sok, một nhà nghiên cứu Campuchia, trong công trình "*Campuchia giữa Thái Lan và Việt Nam (từ 1775-1860)*" cũng cho rằng đầu thế kỷ XIX "các thương nhân An Nam đến làm ăn ven các cảng lớn và ngay cả ở trong đất liền..."⁽³⁾. Cùng với các thương nhân còn có một bộ phận cư dân người Việt lên sinh sống ở Campuchia. Ban đầu họ đến và định canh ở vùng giáp ranh biên giới Campuchia – Việt Nam, nhưng sau đó với sự đồng ý của vua Ang Sô, một bộ phận nhỏ vào định cư ở sâu trong nội địa thuộc Peamchor, Koh Thom, Prek Dack, Chrôichăngwar, U Đông, một bộ phận khác đến định cư ở khu vực tả

* TS. Nguyễn Sỹ Tuấn, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á

ngạn sông Mê Công⁽⁴⁾.

Sau khi chiếm toàn bộ ba nước Việt Nam, Campuchia và Lào thực dân Pháp đưa ba nước vào “Liên bang Đông Dương thuộc Pháp”. Để quản lý, thực dân Pháp chia Đông Dương thành 5 khu vực: Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ, Lào và Campuchia. Mỗi khu vực có một địa vị chính trị và pháp lý khác nhau. Có khu vực thuộc chế độ bảo hộ, có những khu vực thuộc chế độ thuộc địa. Đây là 5 khu vực có tính chất hành chính. Bởi vậy, biên giới của các quốc gia có chủ quyền trước đây đã biến thành ranh giới hành chính giữa các khu vực. Để tạo thuận lợi cho việc kiểm soát việc đi lại giữa các “khu vực hành chính” này, thực dân Pháp đã cấp giấy thông hành đi lại cho người dân ba nước Việt Nam, Lào và Campuchia. Nhờ đó, việc đi lại giữa ba nước, trong đó có sự đi lại giữa Việt Nam và Campuchia trở nên dễ dàng hơn. Nhiều người Việt vì hoàn cảnh khó khăn tại quê hương bản quán, vì chiến tranh, vì nạn đói, nhất là các tỉnh giáp với Campuchia đã tìm mọi cách sang Campuchia làm ăn sinh sống. Và, trong dòng người sớm sang Campuchia còn có một số tín đồ đạo Thiên chúa lánh nạn tôn giáo dưới triều vua Tự Đức. Số dân di cư này chủ yếu làm các nghề tự do, sản xuất nông nghiệp, buôn bán nhỏ hoặc đánh bắt cá dọc sông Mê Công hay Tôn Lê Sáp...

Ngoài số cư dân lên làm ăn sinh sống theo con đường tự do nói trên còn có một bộ phận người Việt Nam được người Pháp tuyển mộ lên Campuchia. Những người này được chia thành hai loại. Những người có học vấn cao hay có chuyên môn được tuyển chọn sang phục vụ trong bộ máy hành chính của thực dân hoặc làm công chức hay tư chức trong các cơ sở y tế, giáo dục, bưu điện v.v... Một loại khác,

đông đảo hơn, là những người nghèo được tuyển mộ sang phục vụ công cuộc khai thác thuộc địa tại các đồn điền cao su của thực dân Pháp vào những năm 20 của thế kỷ XX. Số này lên tới cả 100.000 người. Họ là những “dân contrat” mà cuộc đời, số phận bị buộc chặt vào các bản giao kèo, vào những đồn điền cao su “đi dễ khó về” ở Kôngpông Chàm, Kratie và các tỉnh lân cận.

Chưa có số liệu chính thức, nhưng trong suốt thời gian thực dân Pháp thống trị ba nước Đông Dương, số lượng người Việt ở Campuchia ngày một tăng thêm (xem bảng 1).

Dưới thời thuộc Pháp, người Việt đến Campuchia định cư, làm ăn ở nhiều tỉnh, thành, nhưng chủ yếu tập trung ở thủ đô hoặc các tỉnh lân cận như Kôngpông Chnăng và các tỉnh giáp Việt Nam: Prey Veng, Tà Keo ... (xem bảng 2)

Sau Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương (1954), Vương quốc Campuchia đi theo con đường quân chủ lập hiến. Dưới thời “Cộng đồng xã hội bình dân” (1954-1969), đất nước Campuchia đã có những bước phát triển mới, xã hội tương đối yên bình. Đây là miền đất hứa đối với nhiều người, nhất là những người sống trong điều kiện chiến tranh. Chính vì vậy mà nhiều người Việt ở các tỉnh phía Nam, nhất là các tỉnh ở Nam bộ đã bằng mọi cách khác nhau để sang Campuchia làm ăn, sinh sống. Đến năm 1969 có khoảng 400.000 đến 500.000 người Việt Nam sinh sống ở Campuchia⁽⁵⁾.

Dưới thời “Cộng đồng xã hội bình dân” (1954-1969), người Việt ở Campuchia có cuộc sống tương đối ổn định, đại đa số người Việt Nam có công ăn việc làm, việc đi lại ở Campuchia và giữa Campuchia với Việt Nam khá dễ dàng. Việt kiều được mở lớp dạy tiếng Việt đến lớp 5, con em nhiều gia đình người Việt được đi học tại các

Bảng 1

Năm	1903 (1)	1911 (1)	1921 (1)	1952 (2)
Số lượng người Việt	57.696	79.050	140.220	291.596

Nguồn: (1): *Le Cambodge et la colonisation française Histoire d'une colonisation sans heurt (1897-1920)*. L'Harmantan: Publiée avec le concours du C.N.R.S. tr.446.

(2). Theo Donal J. Steinberg (trong cuốn *Cambodia a Country Study*, Washington, 1987. (Lê Hương trong cuốn *Việt kiều ở Campuchia*. NXB Trí Đăng, Sài Gòn, 1971 cũng có số liệu tương tự).

Bảng 2: (Đơn vị tính: người)

Tên tỉnh	1903	1911	1921
Battambang		7000	6.910
Kampot	2.800 (năm 1905)	2.477	4.640
Kongpong Cham	2.200	1.862	9.130
Kongpong Chnăng	6.523	5.918 (+ Pursat)	12.500
Kongpong Thom	789	1.146	5.420
Kratie	1.392	3.464	3.460
Prey Veng	16.937	26.546 (+ Svay riêng)	25.580
Stung Treng		123	400
Tà Keo	10.400	14.042	25.510
Phnom Pênh	7000 (1905)	13.508	18.990
Tổng cộng	57.696	79.050	140.220

Nguồn: (1): *Le Cambodge et la colonisation française Histoire d'une colonisation sans heurt (1897-1920)*. L'Harmantan: Publiée avec le concours du C.N.R.S. tr.446.

trường học của nước sở tại. Về đời sống, người Việt làm rất nhiều nghề. Ngoài số công chức, giáo viên, người buôn bán nhỏ hoặc thợ thủ công, mỹ nghệ mà đa phần tập trung ở Phnôm Pênh, số người Việt còn lại chủ yếu làm nông nghiệp (tập trung nhiều ở Prey Veng, Tà Keo, Xoài Riêng), làm công nhân cạo mủ cao su (trong các đồn điền ở Kôngpông Chàm, Kratie), đánh bắt cá nước ngọt (đọc các

sông Me Công, Tôn Lê Sap...). Nhiều người Việt Nam làm ăn phát đạt, một số trở thành chủ sở hữu của các công ty hay cơ sở sản xuất. Nhìn chung, cùng với người Hoa và sau người Hoa, người Việt cũng có một vị thế trong đời sống kinh tế - xã hội của Campuchia lúc bấy giờ. Để bảo đảm an ninh quốc gia, bảo vệ lợi ích kinh tế dân tộc, nhất là đối với những lĩnh vực, những ngành mà ngoại kiều có lợi thế cạnh

tranh cao, chính quyền Campuchia ban hành Luật về ngoại kiều (Kram 83-NS, 1956). Luật này chia ngoại kiều thành hai loại: ngoại kiều không di trú và ngoại kiều di trú. Theo luật 83-NS, muốn được lưu trú ở Campuchia ngoại kiều di trú phải đóng một số tiền thế chấp đủ để trả các phí tổn khi bị bắt buộc phải trở lại hay phải hồi cư sau này⁽⁶⁾. Ngoài ra, ngoại kiều phải có đủ các điều kiện khác như phải có đầy đủ sức khoẻ để hành nghề; phải có tiết hạnh, đạo đức tốt và phải có năng lực về kinh tế, xã hội. Đặc biệt luật 83-NS quy định ngoại kiều không được làm 18 nghề⁽⁷⁾. Việc bị cấm hoạt động trong 18 nghề, trong đó có những nghề mà người Việt có lợi thế cạnh tranh cao như in ấn, thợ kim hoàn, thợ cắt tóc, tài xế... đã ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của một bộ phận không nhỏ người Việt. Vì vậy, người Việt đã tìm cách nhập quốc tịch Campuchia để được hưởng những quyền lợi do có quốc tịch Campuchia đem lại, ít nhất thì họ cũng không bị cấm 18 nghề. Trong thực tế, số đông người Việt định cư lâu đời ở Campuchia đã được cấp các loại giấy tờ tùy thân như công dân Campuchia, một số lớn được cấp thẻ ngoại kiều và được đối xử như những ngoại kiều khác. Cũng cần nói thêm rằng luật quốc tịch của Vương quốc Campuchia năm 1945 và Luật quốc tịch (sửa đổi) năm 1954 quy định khá rộng rãi, tạo điều kiện cho ngoại kiều đã sinh sống lâu đời nhập được quốc tịch Campuchia⁽⁸⁾. Trước tình hình này, tháng 10/1959 chính quyền Campuchia đã sửa đổi luật quốc tịch theo hướng chặt chẽ hơn, theo đó, ngoại kiều muốn nhập quốc tịch Campuchia phải có thời gian sống ở Campuchia lâu hơn⁽⁹⁾, phải thông thạo tiếng Khmer, hiểu và hội nhập được với truyền thống, phong tục tập quán Campuchia. Những người đã nhập quốc tịch Campuchia nhưng không đạt những tiêu chuẩn trên vẫn có thể bị thu hồi

quốc tịch.

Ngày 18/3/1970, Lon Non tiến hành đảo chính, lật đổ chế độ quân chủ của quốc vương N. Sihanuc, thành lập Cộng hoà Khmer. Sau khi lên cầm quyền Lon Non tiến hành các biện pháp khủng bố, trấn áp và xua đuổi người Việt Nam ra khỏi Campuchia. Nhiều người Việt Nam, dù đã định cư lâu đời ở Campuchia cũng phải chạy về Việt Nam. Theo ước tính, có hàng chục ngàn người bị giết chết và khoảng 200.000 người khác phải trở về Việt Nam⁽¹⁰⁾.

Sau chế độ “Cộng hòa Khmer” của Lon Non, chế độ “Campuchia dân chủ” của Pôn Pốt một lần nữa tiến hành thanh lọc cộng đồng người Việt. Với chủ trương “làm cho dân tộc Khmer thuần khiết hơn”, Pôn Pốt tiến hành truy bức, giết hại người Việt Nam trên một quy mô lớn hơn, với mức độ triệt để hơn, tàn bạo hơn thời kỳ Lon Non. Hậu quả là hàng chục ngàn người bị giết, hơn 100.000 phải rời bỏ nơi làm ăn sinh sống bao đời nay để chạy về Việt Nam.

Sau năm 1979, dưới chế độ *Cộng hoà Nhân dân Campuchia* đa số người Việt vốn định cư lâu đời ở Campuchia phải chạy về Việt Nam (trong thời kỳ Lon Non và Pôn Pốt cầm quyền) đã lần lượt trở lại Campuchia. Phần lớn trở lại các địa phương mà họ từng cư trú, từng làm ăn trước đây. Trong cộng đồng người Việt ở Campuchia thời gian này còn có một số ít còn lại khi xảy ra nạn diệt chủng và một số đến đất nước này làm ăn tự do theo mùa vụ. Theo ước tính của SOC (State of Cambodia), người Việt Nam ở Campuchia có khoảng 130 ngàn người, cư trú tại 19/21 tỉnh, thành, đông nhất là Phnôm Pênh, tiếp đến là các thị xã, thị trấn, dọc theo sông Mê Công, Biển Hồ hay các trục lộ giao thông lớn. Cộng đồng người Việt gần như đã hoà nhập với xã hội

Campuchia. Họ được Chính phủ Cộng hoà nhân dân Campuchia tạo điều kiện thuận lợi để làm ăn sinh sống, được cấp giấy tờ hợp pháp, có nơi cư trú và có nghề nghiệp tương đối ổn định⁽¹¹⁾. Sau Hiệp định Pari về Campuchia (1991), nhất là sau khi Chính phủ Vương quốc Campuchia được thành lập (1993), nền kinh tế thị trường từng bước được hình thành, lại có thêm một số người Việt sang làm ăn sinh sống ở Campuchia. Họ làm đủ nghề, từ buôn bán nhỏ đến nuôi và đánh bắt cá (chủ yếu là ở Tôn lê Sap) hoặc làm các loại “thợ”: thợ mộc, thợ hồ, thợ sửa xe, thợ hớt tóc, thợ uốn tóc... Cũng có một số ít người lên Campuchia làm những nghề không được mong đợi. Những người này đã làm xấu đi hình ảnh của cộng đồng người Việt ở Campuchia

Số lượng người Việt ở Campuchia hiện nay khá đông, nhưng khó có thể có một số liệu chính xác. Bộ Nội vụ Campuchia xếp người Việt đang định cư, làm ăn ở Campuchia vào loại “dân tộc thiểu số” và thông báo có 107.662 người⁽¹²⁾. Một số tài liệu cho là có khoảng 130.000 người nhưng một số tài liệu khác đưa ra con số ước tính cao hơn nhiều⁽¹³⁾. Tuyệt đại đa số người Việt ở Campuchia là những người làm ăn lương thiện, tôn trọng luật pháp nước sở tại, đã có những đóng góp nhất định vào sự nghiệp bảo vệ và phát triển đất nước Campuchia. Họ đã thật sự gắn bó với đất nước và nhân dân Campuchia. Tuy nhiên cộng đồng người Việt cũng đang phải đối diện với nhiều khó khăn, thách thức. Một trong những khó khăn đó là việc hội nhập vào đời sống chính trị, kinh tế, xã hội Campuchia nhìn từ góc độ địa vị pháp lý sau khi chính phủ Vương quốc Campuchia công bố các luật và sắc lệnh về ngoại kiều và luật quốc tịch⁽¹⁴⁾.

Như đã nói ở trên, theo mốc thời gian,

có thể chia cộng đồng người Việt ở Campuchia thành ba bộ phận với 3 hoàn cảnh và địa vị pháp lý khác nhau. Bộ phận thứ nhất là những người đã sinh sống ở Campuchia qua nhiều thế hệ từ trước năm 1975 và trở lại Campuchia sau năm 1979. Đa phần số này thông thạo tiếng Khmer, phong tục tập quán địa phương, có nơi ở và làm việc ổn định. Dưới thời N.Sihanuc (1954-1969) họ được cấp chứng minh thư, mỗi gia đình có một sổ hộ khẩu. Có thể nói bộ phận này có điều kiện hội nhập tốt nhất đối với cộng đồng sở tại. Bộ phận thứ hai là những người sang lập nghiệp trong thời kỳ 1979-1990, dưới chế độ Cộng hoà nhân dân Campuchia và SOC. Phần lớn trong số đó được cấp giấy chứng minh thư. Trước thời gian bầu cử (5/1993) nhiều người lại được UNTAC cấp giấy chứng nhận bầu cử (với điều kiện sinh ra ở Campuchia và có bố hoặc mẹ sinh ở Campuchia). Bộ phận thứ ba là những người sang tìm kiếm công ăn, việc làm có tính chất thời vụ từ sau năm 1993. Số này phần nhiều không có các giấy tờ tùy thân cần thiết. Như vậy là trừ một số người sang sau năm 1993, nhiều người Việt đã có những giấy tờ thể hiện vị thế pháp lý của mình ở các mức độ khác nhau. Mặc dù vậy cộng đồng người Việt đang phải đối diện với nhiều vấn đề, nhiều thách thức. Thứ nhất, không phải tất cả mọi người đều giữ được các giấy tờ cần thiết (vì chiến tranh, ly tán, hoả hoạn...). Thứ hai, tính hợp pháp của chúng. Vì nhiều lý do, trong đó có lý do chính trị mà không phải lúc nào, tổ chức nào ở Campuchia cũng công nhận tính hợp pháp của các thứ giấy tờ mà người Việt đã có, đã được cấp trước đây. Thứ ba, đối với những người mới lên làm ăn sinh sống sau năm 1993, họ khó có cơ hội hội nhập vào xã hội Campuchia, nhất là sau khi các luật, sắc lệnh về nhập cư có hiệu lực. Nói

chung, không chỉ riêng đối với loại thứ ba mà các đối tượng khác cũng gặp rất nhiều khó khăn, bởi vì, luật nhập cư (1994) và các sắc lệnh liên quan đến người nhập cư quy định điều kiện nhập cư rất chặt chẽ về nghề nghiệp cũng như khả năng tài chính. Ví dụ, luật quy định người nhập cư phải chứng tỏ khả năng *có lợi cho kinh tế, xã hội, khoa học, văn hoá Campuchia* (mục a điều 10 luật nhập cư 1994), trong khi đó đa phần người Việt thuộc loại nghèo, không có khả năng kinh tế, trình độ văn hoá thấp, nghề nghiệp không ổn định.... Năm 1996 Chính phủ Vương quốc Campuchia công bố tiếp Sắc lệnh số 30/SL về thủ tục cho phép người nước ngoài thuộc diện nhập cư ra vào và cư trú trên lãnh thổ Vương quốc Campuchia, theo đó, người nước ngoài nhập cư phải xin thẻ lao động theo quy định của Luật lao động của Vương quốc Campuchia, phải có giấy xác nhận đã nộp một khoản tiền đặc cộc bảo đảm cho việc hồi hương (người nước ngoài đến từ nước có đường biên giới tiếp giáp với Campuchia phải nộp một khoản tiền là 500.000 riên (tương đương khoảng 200 USD theo tỷ giá tại thời điểm đó - người viết). Đối với đa số người lao động Việt Nam việc xin được thẻ lao động đã khó, việc có được 200 USD để nộp theo quy định còn khó hơn nhiều. Một điều khoản khác lại quy định nếu một ngoại kiều (đã được thừa nhận) vì một lý do nào đó phải rời Campuchia quá thời hạn 3 tháng (có thể gia hạn 6 tháng nếu có lý do chính đáng) nếu muốn trở lại Campuchia thì “đương sự phải làm thủ tục xin thị thực nhập cảnh và được coi là ngoại kiều mới nhập cư” (điều 23). Điều khoản này thực sự gây khó khăn cho không ít người Việt, nhất là những người đã phải chạy lánh nạn trong thời kỳ chiến tranh. Một khó khăn khác nữa là luật nhập cư cho phép hồi tố, có nghĩa là dù người nước ngoài đã

định cư ở Campuchia trước khi luật có hiệu lực vẫn bị điều chỉnh bởi những quy định của luật này. Quy định này ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của đại bộ phận người Việt đã định cư lâu đời ở Campuchia.

Người Việt cũng khó có cơ hội để nhập quốc tịch Campuchia (như họ đã từng làm trong thời kỳ Cộng đồng xã hội bình dân) bởi vì luật quốc tịch Campuchia (1996) đề cao nguồn gốc sinh và đưa ra các điều kiện rất khắt khe trong việc nhập quốc tịch Khmer.

Trên đây chúng tôi đã trình bày một vài nét phác thảo về bức tranh cộng đồng người Việt ở Campuchia và một vài khó khăn về phương diện địa vị pháp lý mà họ đang phải đối diện trong quá trình hội nhập với cộng đồng sở tại. Tuy nhiên, cũng cần khẳng định rằng, hiện tại, trong bối cảnh quan hệ giữa chính phủ và nhân dân hai nước đang diễn ra một cách tốt đẹp, đặc biệt là sau các chuyến đi thăm lẫn nhau của lãnh đạo cao cấp của hai nhà nước, hai chính phủ Việt Nam và Campuchia, cuộc sống của cộng đồng người Việt đang có những thay đổi. Chính quyền Campuchia đã tạo điều kiện cho cộng đồng người Việt Nam. Người Việt được tôn trọng, an ninh tương đối đảm bảo; nhiều người Việt đã tìm được công ăn việc làm ở Campuchia và công việc chính đáng của đại đa số người Việt được chính quyền Campuchia thừa nhận và bảo hộ... Ngày 24/4/2003, Bộ Nội vụ Campuchia đã công nhận và cấp phép hoạt động cho hội Việt kiều ở Campuchia, cho phép thành lập 19 chi hội tại 19/24 tỉnh thành trong cả nước. Đây là điều kiện pháp lý thuận lợi để các chi hội Việt kiều hoạt động hợp pháp. Tuyệt đại đa số người Việt tôn trọng và tuân thủ luật pháp Campuchia. Tuy nhiên, với những bộ luật và sắc lệnh về

nhập cư, như chúng tôi nêu trên, cộng đồng người Việt đang gặp phải những khó khăn nhất định về phương diện địa vị pháp lý. Và cũng từ vấn đề này, dưới góc độ khoa học, nhiều vấn đề được đặt ra, ví dụ như khả năng hội nhập của người Việt vào xã hội Campuchia, về mối quan hệ liên chủng tộc Việt - Khmer nhìn nhận từ góc độ văn hoá, về tính cạnh tranh lẫn nhau hay bổ sung cho nhau trong nghề nghiệp hay trong kinh tế v.v... Đây là những vấn đề rất lớn, cần được đầu tư nghiên cứu ở quy mô, tầm vóc lớn hơn. Chúng tôi cho rằng địa vị pháp lý của người Việt như đã nêu ở trên, có thể dẫn tới hai khả năng. Khả năng thứ nhất, một số người Việt sẽ tìm cách cố kết lại thành từng cụm, nhóm dân cư để nương tựa vào nhau. Điều này đã từng xảy ra trong những năm năm mươi, sáu mươi của thế kỷ trước, khi đó, số dân "contrat" vì không được chính quyền Campuchia cấp giấy tờ tùy thân, nếu ra khỏi làng năm hoặc mười kilômét sẽ bị bắt nên họ buộc phải sống trong các làng riêng biệt, khép kín do các ông chủ người Pháp xây dựng giữa các lô cao su của đồn điền cao su ở Chup, Sông thuộc tỉnh Kongpông Chàm (người viết bài này đã tới các làng này trong các năm 1970, 1971). Khả năng thứ hai, lớn hơn, là người Việt tìm cách để hội nhập vào xã hội Campuchia bằng nhiều cách. Họ phải học để biết ngôn ngữ Khmer, phải thông hiểu phong tục, tập quán, tín ngưỡng Khmer để hội nhập. Nhưng đây là một quá trình mang tính hai mặt. Một mặt, người Việt tiếp nhận các giá trị văn hoá Khmer, nhưng mặt khác, người Khmer cũng không thể không bị ảnh hưởng văn hoá Việt ở một phạm vi nhất định. Và, như vậy, đương nhiên dẫn tới một sự giao thoa về mặt văn hoá liên chủng tộc Việt - Khmer hay Khmer - Việt. Đây là một hiện tượng thú vị rất đáng được quan tâm

nghiên cứu. Về phương diện kinh tế cũng vậy. Không thể chỉ nói rằng người Việt tạo nên một sự cạnh tranh, mặc dù trong một vài lĩnh vực cụ thể, người Việt có thể có trình độ chuyên môn tốt hơn, và trước mắt, họ có thu nhập cao hơn. Vấn đề là ở chỗ, xét về lâu dài, giữa họ sẽ có sự bổ sung cho nhau tốt hơn; nếu có sự cạnh tranh thì đó không phải là cạnh tranh để triệt tiêu mà cạnh tranh để phát triển. Đây là nhiệm vụ của các nhà kinh tế học, chúng tôi không dám lạm bàn, nhưng quả thật rất đáng được quan tâm nghiên cứu.

Còn nhiều vấn đề khác nữa được đặt ra, nhưng để kết thúc bài viết này, chúng tôi chỉ nói thêm, vì sự ổn định cuộc sống của cộng đồng người Việt và để huy động được tiềm năng của họ vào sự phát triển của đất nước Campuchia cũng như để góp phần tăng cường tình hữu nghị, hợp tác giữa hai nước, chính quyền Campuchia trong khi thực thi luật pháp cần tính đến lịch sử quan hệ giữa hai nước và những đặc điểm, hoàn cảnh, điều kiện cụ thể của cộng đồng người Việt ở Campuchia./.

CHÚ THÍCH

1. *Đại Nam thực lục chính biên*, tr. 126. T.2. Q.5.
2. *Đại Nam thực lục chính biên*, tr. 274. T.4. Q. LII.
3. Khin Sok: *Campuchia giữa Thái Lan và Việt Nam (từ 1775-1860)* [Le Cambode entre le Siam et le Vietnam (de 1775 à 1860)]. école Francaise d'extrême - Orient, Paris, 1991.
4. Xem thêm: *Tư liệu lịch sử về phong trào Việt kiều yêu nước ở Campuchia*. Câu lạc bộ truyền thống khối Việt kiều yêu nước. NXB Mũi Cà Mau, 2004. tr.15.
5. Theo cuốn *Cambodia, A Country Study* (Area Handbook Series, DA pam 550-50, Washington, 1987), năm 1969, cộng đồng người Việt ở Campuchia có khoảng

- 400.000 người. Theo cuốn “*Tư liệu lịch sử về phong trào Việt kiều yêu nước ở Campuchia – tài liệu đã dẫn* – thì năm 1970 có 499.333 người, năm 1975 có trên 500.000 người.
6. Ngoại kiều từ những nước lân cận đến phải nộp 2.000 riên (đơn vị tiền tệ Campuchia), ngoại kiều từ các nước Đông Nam Á khác đến nộp 5.000 riên, ngoại kiều đến từ châu Âu, Mỹ và các nước khác phải nộp 10.000 riên.
 7. 18 nghề bị cấm: 1/ Nhân viên quan thuế, 2/ Cò tàu và nhân viên hàng hải, 3/ Nhân viên tình báo hay mật thám, 4/ Nhân viên các sở di trú hay di dân, 5/ Chủ sở mộ nhân công, 6/ Chủ tiệm mua bán đồ cũ, 7/ Mua bán súng ống, 8/ Mua bán thiết bị dụng cụ vô tuyến điện tử hay đồ phụ tùng liên quan đến những dụng cụ này, 9/ Chủ nhà in, 10/ Chủ tiệm và thợ cắt tóc cho đàn ông, 12/ Tài công cho tàu chạy trên sông và ven biển, 13/ Chủ tiệm và thợ kim hoàn, 14/ Tài xế xe đò, xe tắc xi, xe hàng. 15/ Phu bến tàu, 16/ Khai thác lâm sản, 17/ Mua bán ngũ cốc, 18/ Mua bán muối.
 8. Điều 22 (mới) của Luật quốc tịch 1954 quy định:
 - A. Bất kể sinh ra ở đâu, những người sau đây là người Campuchia:
 1. Đứa con hợp pháp mà cha là quốc tịch Campuchia.
 2. Đứa con hợp pháp mà mẹ là quốc tịch Campuchia.
 3. Đứa con hoang xây dựng quan hệ cha con một cách hợp pháp với người có quốc tịch Campuchia.
 - B. Nếu sinh ở Campuchia, những người sau đây là người Campuchia:
 1. Đứa con của một người cha sinh ra ở Campuchia.
 2. Đứa con của một người mẹ sinh ra ở Campuchia.
 3. Đứa con mà cha mẹ không rõ ràng.
 9. Sắc lệnh số 904/NS ngày 27/09/1954 quy định một trong các điều kiện gia nhập quốc tịch Campuchia là đã sống ở Campuchia được 5 năm; đối với những người có vợ là công dân Campuchia mà đã cư trú ở Campuchia 2 năm thì cũng có thể được gia nhập quốc tịch Campuchia. Sắc lệnh 913/NS ngày 3/11/1954 quy định việc tự động có quốc tịch Campuchia đối với phụ nữ nước ngoài lấy chồng Campuchia.
 10. Theo *Cambodia, A country Study*, tài liệu đã dẫn.
 11. 7/5/1982, Ban Bí thư TW Đảng NDCM Campuchia ra Chỉ thị 142 về giải quyết đời sống, công ăn việc làm cho người Việt ở Campuchia. Ngày 9/10/1982, Hội đồng Bộ trưởng Campuchia hướng dẫn việc tổ chức, quản lý đối với Việt kiều đang làm ăn sinh sống ở Campuchia.
 12. *Báo cáo của Bộ Nội vụ Campuchia về tình hình người thiểu số Việt Nam ở Campuchia*, ngày 28/12/1994.
 13. Theo “*2001 CIA World Factbook*”, đăng trên trang Web: <http://workmall.com/wfb2001/cambodia> thì người Việt Nam có khoảng 600.000 người.